

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 314/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*- Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

**Anh Nguyễn Gia L** – sinh năm: 1976;

**Chị Nguyễn Thị B** – sinh năm: 1977;

*Cùng HKTT: Số nhà B, tổ A, cụm C, phường B, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội*

*Cùng trú tại: Tổ Q, cụm E, phường P, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.*

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có*

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Gia L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước và đăng ký kết hôn ngày 13/02/2001

tại UBND phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Nay, anh, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần được công nhận.

[2] **Về con chung:** Anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Thị L A – sinh ngày 12/9/2003 và Nguyễn Gia L1 – sinh ngày 05/5/2008. Anh, chị thỏa thuận: chị B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung, anh L cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi cháu 3.000.000đ/tháng, tổng cộng là 6.000.000đ/tháng từ tháng 12/2020 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác. Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Thỏa thuận của anh, chị hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên cần được chấp nhận.

[3] **Về tài sản, nhà đất chung, công nợ:** Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] **Về các vấn đề khác:** Không có.

[5] **Về lệ phí Tòa án:** Chị B tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí giải quyết việc ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Gia L thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Thị L A – sinh ngày 12/9/2003 và Nguyễn Gia L1 – sinh ngày 05/5/2008. Anh, chị thỏa thuận: chị B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung, anh L cấp dưỡng nuôi

con chung, mỗi cháu 3.000.000đ/tháng, tổng cộng là 6.000.000đ/tháng từ tháng 12/2020 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản, nhà ở, công nợ:** Anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về các vấn đề khác:** Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị B tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 4278 ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHADS quận Tây Hồ;
- UBND phường Dũu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (GCNKH số 13, quyền số 01/2001, ngày 13/02/2001);
- Lưu HS/VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Diệp**